

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỚI LAI
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 117/2023/DSST
Ngày: 15 – 9 – 2023.
V/v: “*Tranh chấp về hui, vay tài sản*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI – THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Nguyễn Minh Trí**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lý Hồng Hạnh**

2. Ông **Phan Tấn Lạc**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tường** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Lai tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Hoài Hận** – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 159/2023/TLST-DS ngày 22/6/2023 về việc “tranh chấp về hui, vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 469/2023/QĐXX-ST ngày 15 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn K**, sinh năm 1984 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện Thới Lai, TP. Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1983 (Có mặt)

Địa chỉ: đường T, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: Bà **Mai Thị C**, sinh năm 1953 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện Thới Lai, TP. Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày và yêu cầu:

Bà Mai Thị C có vay tiền và tham gia chơi hui do ông Nguyễn Văn K làm chủ như sau:

+ Bà C mượn ông K 40.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 09/3/2022.

+ Bà C tham gia dây hụi 2.000.000 đồng/tháng do ông K làm chủ, mở vào ngày 20/11/2021 âm lịch (tức ngày 23/12/2021 dương lịch). Dây hụi có 18 phần gồm 18 thành viên. Bà C hốt đầu vào ngày 20/11/2021 âm lịch (tức ngày 23/12/2021 dương lịch). Bà C đóng hụi chết được 6,5 tháng = 13.000.000 đồng. Số tiền còn lại bà C chưa đóng kể từ ngày 20/3/2023 âm lịch (09/5/2023 dương lịch) là 21.000.000 đồng (Hai mươi một triệu đồng).

Ngày 28/3/2023 bà C có làm Tờ cam kết xác nhận tổng cộng tiền vay và tiền hụi bà C còn nợ ông K là 61.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng). Bà C hứa trả 3.000.000 đồng/ tháng cho đến khi dứt nợ. Sự việc có tổ chức hòa giải ấp T, xã T, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ vào ngày 29/3/2023.

Tuy nhiên bà C không thực hiện như đã cam kết. Tổ hòa giải ấp T có mời hai bên lên hòa giải vào ngày 25/5/2023 nhưng bà C không có thiện chí trả nợ còn thách thức thừa kiện.

Nay ông Nguyễn Văn K yêu cầu bà Mai Thị C có trách nhiệm trả số tiền 67.710.000 đồng, bao gồm tiền nợ 61.000.000 đồng và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật là 6.710.000 đồng. Ngoài ra bà C còn phải trả tiền lãi chậm thanh toán theo quy định cho đến khi trả dứt nợ.

Bị đơn bà Mai Thị C đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 61.000.000 đồng và tiền lãi 2.287.500 đồng; Bị đơn vắng mặt.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

+ *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ *Về việc giải quyết vụ án:* Qua nghiên cứu hồ sơ, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn đã được xem xét, đối chiếu với các quy định của pháp luật, nhận thấy giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận vay tiền, chơi hụi. Do bà C vi phạm nghĩa vụ thanh toán như “Tờ cam kết ngày 28/3/2023” nên cần buộc bà C có trách nhiệm trả cho ông K số tiền gốc 61.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ tính từ ngày 30/4/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm theo lãi suất quy định.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền hui, tiền vay nên quan hệ pháp luật là “Tranh chấp về hui, vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Thới Lai theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét Giấy mượn tiền đề ngày 09/03/2022 (ngày 07/02/2022 âm lịch) nội dung: *“Tôi tên Mai Thị C có mượn của cháu Nguyễn Văn K là 40.000.000 đồng”*. Thể hiện bà Mai Thị C có mượn ông Nguyễn Văn K số tiền 40.000.000 đồng. Các bên không thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay, thời hạn trả tiền vay. Đây là thỏa thuận vay tiền không lãi suất, không kỳ hạn vay giữa ông Nguyễn Văn K với bà Mai Thị C theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự.

[3.2] Xét “Giấy hui tháng 2.000.000 khai ngày 20.11.2021” thể hiện bà Mai Thị C có tham gia dây hui tháng 2.000.000 đồng do ông Nguyễn Văn K làm chủ, bà C hốt đầu được 25.500.000 đồng, trừ tiền hoa hồng 1.000.000 đồng, bà C đã nhận 24.500.000 đồng. Đây là thỏa thuận hui giữa ông Nguyễn Văn K với bà Mai Thị C theo quy định tại 471 Bộ luật Dân sự.

[3.3] Xét “Tờ cam kết ngày 28/3/2023” nội dung: *“Tôi tên Mai Thị C sinh năm 1953 trước đây tôi có chơi hui của cháu Nguyễn Văn K số tiền hui chết là 21.000000 đồng và số tiền mượn là 40.000000, tổng số tiền là 61.000000 đồng hứa trả hàng tháng vào 29/03/2023 đến ngày 29/4/2023 đúng 1 tháng trả 1 lần là 3.000.000 cho đến hết số tiền nếu tôi hứa theo cam kết nếu tôi sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm”*. Như vậy, bà C và ông K đã chốt số tiền hui và tiền vay bà C còn nợ ông K tổng cộng 61.000.000 đồng (Sáu mươi một triệu đồng) và thỏa thuận thời điểm bắt đầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền của bà C là ngày 29/4/2023.

[3.4] Bà Mai Thị C đã nhận được Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm; Quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm nhưng bà C vắng mặt và không có văn bản

ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên xem như bà C đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3.5] Như vậy, theo quy định tại Điều 280, Điều 282 Bộ luật dân sự thì bà Mai Thị C đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền như thỏa thuận tại Tờ cam kết ngày 28/3/2023. Cần buộc bà C có trách nhiệm trả số tiền gốc và tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Theo quy định tại khoản 2 Điều 147 Bộ luật Dân sự thì thời điểm bà C vi phạm nghĩa vụ là ngày 30/4/2023.

[3.6] Do các bên không thỏa thuận lãi suất nên theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 thì lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền được áp dụng là 10%/ năm.

Số tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền mà bà C phải trả cho ông K tính từ ngày 30/4/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 15/9/2023) là: 61.000.000 đồng x 10%/năm x 4,5 tháng = 2.287.500 đồng (Hai triệu hai trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

[3.7] Từ những nhận định trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận. Cần buộc Mai Thị C trả cho ông Nguyễn Văn K số tiền 61.000.000 đồng (Sáu mươi một triệu đồng) và tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền là 2.287.500 đồng (Hai triệu hai trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

[3.8] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và các đương sự là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Quan điểm đề nghị về nội dung vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2019;

Điều 280; khoản 2 Điều 357; Điều 463; khoản 2 Điều 468; Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K.

2. Buộc bà Mai Thị C có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn K số tiền 61.000.000 đồng (Sáu mươi một triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày 30/4/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là 2.287.500 đồng (Hai triệu hai trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Mai Thị C được miễn nộp tiền án phí sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn K được nhận lại 1.525.000 đồng (Một triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0005208 ngày 14/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Đương sự;
- VKS.ND. H. Thới Lai.
- THA.H. Thới Lai;
- Lưu

Phan Nguyễn Minh Trí